

Bản án số: 31/2019/HS-ST

Ngày 15/5/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, T1 PHỐ HÀ NỘI

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phúc Thịnh;**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: **Vũ Đức Hậu;**

Ông: **Nguyễn Xuân Thuật;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyên** – Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, TP. Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Văn Anh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì - T1 phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: ĐOÀN VĂN D (tên gọi khác: Bệu) – Sinh năm 1992; HKTT và nơi cư trú: Cụm 10, xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội.; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Văn Đại – sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Lương – sinh năm 1968; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: 04 tiền án.

- Theo Bản án số 127/2015/HSST ngày 30.11.2015 của TAND thị xã Sơn Tây- Hà Nội xử phạt D 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Tiêu thụ tài sản do người khác

phạm tội mà có quy định tại Điều 250 BLHS năm 1999. D đã hoàn T1 việc nộp án phí ngày 17.3.2016;

- Theo Bản án số 41/2017/HSST ngày 07.8.2017 của TAND huyện Phúc Thọ- Hà Nội xử phạt D 24 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 250 BLHS năm 1999. D đã chấp hành xong việc nộp án phí, chưa chấp hành án phạt tù;

- Theo Bản án số 49/2017/HSST ngày 22.8.2017 của TAND huyện Phúc Thọ- Hà Nội xử phạt D 09 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 250 BLHS năm 1999, tổng hợp hình phạt với bản án trước là 33 tháng tù. D đã chấp hành xong việc nộp án phí ngày 15.01.2018, chưa chấp hành án phạt tù;

- Theo Bản án số 34/2018/HSST ngày 30.5.2018 của TAND huyện Phúc Thọ- Hà Nội xử phạt D 30 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 250 BLHS năm 1999, tổng hợp hình phạt với bản án trước là 63 tháng tù. Buộc D nộp 1.000.000 đồng là số tiền có được do thu lời bất chính, miễn án phí HSST cho D. D chưa chấp hành xong.

Nhân thân:

- Ngày 17.02.2016, bị UBND xã Vĩng Xuyên- huyện Phúc Thọ xử phạt VPHC về hành vi Không thực hiện nghĩa vụ của người chấp hành án cải tạo không giam giữ, hình thức phạt Cảnh cáo.

- Theo Bản án số 71/2018/HSST ngày 21.11.2018 của TAND huyện Quốc Oai- Hà Nội xử phạt D 42 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 BLHS năm 2015. Buộc D nộp 500.000 đồng là số tiền có được do thu lời bất chính. Án phí 200.000 đồng.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 16/4/2019 TAND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt Đoàn Văn D : 04 (Bốn) năm tù. tổng hợp với 05 năm 03 tháng tù của bản án số 34/2018/HSST ngày 30/5/2018 của TAND huyện Phúc Thọ, T1 phổ Hà Nội. Buộc bị cáo Đoàn Văn D phải chấp hành chung cho 02 bản án là 09 (Chín) năm 03 (Ba) tháng tù. thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang bị bệnh nặng (suy thận, suy tim, vảy nến toàn thân, không đi lại được). Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: KIỀU DUY T. Sinh năm 1992; HKTT và nơi cư trú: Cụm 9, xã S C, huyện PT, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Kiều Duy C – sinh năm 1966 và bà Lê Thị K – sinh năm 1968; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: 01 tiền án.

- Theo Bản án số 120/2015/HSST ngày 20/5/2015 của TAND quận Cầu Giấy- Hà Nội xử phạt T 54 tháng tù về tội Cướp tài sản và Cưỡng dâm quy định tại Điều 133, 113 BLHS năm 1999. T chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 12.5.2018, hoàn T1 nghĩa vụ án phí ngày 15.6.2015.

Nhân thân:

- Theo Bản án số 39/2011/HSST ngày 16/8/2011 của TAND huyện Thanh Thủy- Phú Thọ xử phạt T 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 138 BLHS năm 1999, với giá trị tài sản trộm cắp là 10.800.000 đồng. T chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 11.5.2012, hoàn T1 nghĩa vụ án phí ngày 08.6.2012.

- Ngày 19.01.2011 bị Công an xã Sen Chiểu huyện Phúc Thọ xử phạt VPHC về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, hình thức Cảnh cáo.

- Ngày 19.01.2014, bị Công an xã Sen Chiểu huyện Phúc Thọ xử phạt VPHC về hành vi Trộm cắp tài sản, hình thức Cảnh cáo.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 16/4/2019 TAND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt bị cáo Kiều Duy T: 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/11/2018. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH T1 (tên gọi khác: Nguyễn Khả T1) – Sinh năm 1996; HKTT và nơi cư trú: Cụm 2, xã LX, huyện PT, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình K1 – sinh năm 1971 và bà Hà Thị L – sinh năm 1969; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: 02 tiền án.

- Theo Bản án số 53/2015/HSPT ngày 26/01/2015 của TAND T1 phố Hà Nội xử phạt T1 24 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích quy định tại Điều 104 BLHS năm 1999. Án phí HSST là 200.000 đồng, án phí DSST là 500.000 đồng, buộc bồi thường cho bị hại

là 10.000.000 đồng. T1 chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 02.7.2016, chưa hoàn T1 nghĩa vụ về án phí và tiền bồi thường.

- Theo Bản án số 49/2017/HSST ngày 22.8.2017 của TAND huyện Phúc Thọ- Hà Nội xử phạt T1 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 138 BLHS năm 1999. T1 chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 04.5.2018, hoàn T1 nghĩa vụ về án phí ngày 17.10.2017.

Nhân thân: - Ngày 15.0.2014, bị Công an xã Long Xuyên- huyện Phúc Thọ xử phạt VPHC về hành vi Gây rối trật tự công cộng, hình thức Cảnh cáo.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 16/4/2019 TAND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T1: 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/12/2018. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4/ Họ và tên: NGUYỄN HOÀI L. Sinh năm 1998; HKTT và nơi cư trú: Cụm 6, xã VX, huyện PT, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T – sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1976; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân:

- Theo Bản án số 69/2015/HSST ngày 29.12.2015 của TAND huyện Phúc Thọ- Hà Nội xử phạt Linh 36 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích quy định tại Điều 104 BLHS năm 1999, thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2015. Linh được đặc xá, tha tù trước thời hạn 21 tháng 04 ngày, ra trại ngày 01.12.2016, hoàn T1 nghĩa vụ về án phí tháng 08/2016.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 16/4/2019 TAND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài L: 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số I Công an T1 phố Hà Nội theo Quyết định tạm giam của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Anh Đinh Công M, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn N, xã MQ, huyện BV, TP. Hà Nội

- Anh Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn TP, xã PV, huyện BV, TP. Hà Nội

- Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn 6, xã BT, huyện BV, TP. Hà Nội

- Chị Phùng Thị O, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn KB, xã TP, huyện BV, TP. Hà Nội

- Chị Đặng Thị A, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 6, xã BT, huyện BV, TP. Hà Nội

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 8, xã BT, huyện BV, TP. Hà Nội

- Chị Phùng Thị Cẩm T2, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 7, xã BT, huyện BV, TP. Hà Nội

(Anh D, chị H, chị O, chị A, chị Ni, chị T2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh M vắng mặt tại phiên tòa)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Lê Thị K, sinh năm 1968 (mẹ đẻ bị cáo Kiều Duy T)

Địa chỉ: Cụm 9, xã SC, huyện PT, TP. Hà Nội.

- Anh Vương Công B, sinh năm 1991

Địa chỉ: Cụm 2, xã LX, huyện PT, TP. Hà Nội

- Anh Đoàn Văn D, sinh năm 1992

Địa chỉ: Cụm 10, xã VX, huyện PT, TP. Hà Nội

- Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn Tân Phong, xã Phong Vân, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội

- Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 8, xã BT, huyện BV, TP. Hà Nội.

(Bà Kim có mặt tại phiên tòa. Anh D, ông H1, anh T3 có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 7/2018, do cần tiền tiêu xài cá nhân, Kiều Duy Tnhờ Đoàn Văn D giới thiệu cho T một người để cùng T đi trộm cắp tài sản. Thấy Nguyễn Đình T1 vừa đi chấp hành án phạt tù ra trại về, D liền giới thiệu T1 cho T. Sau đó D, T, T1 thống nhất T, T1 sẽ đi trộm cắp xe, T làm nhiệm vụ điều khiển xe tìm xe sở hữu, cảnh giới, T1 bẻ khóa, lấy trộm xe, D là người tiêu thụ. Đến ngày 30.10.2018, T1 còn rủ thêm Nguyễn Hoài L với T để cùng nhau đi trộm cắp tài sản. Với phương thức, thủ đoạn như đã bàn bạc thống nhất như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 26/10/2018 đến ngày 31/10/2018, các bị cáo đã thực hiện 05 vụ trộm cắp xe máy trên địa bàn huyện Ba Vì, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất (Tại Sân bóng nhân tạo- xã Minh Quang): Khoảng 7 giờ 00 phút ngày 26.10.2018, T điều khiển xe máy nhãn hiệu Exciter màu đỏ đen (xe của mẹ T, BKS 29V3-01559) chở sau là Nguyễn Đình T1 cùng nhau đi trộm cắp tài sản. Khi T đi đến sân bóng nhân tạo thuộc thôn Nội xã Minh Quang thì cả 2 phát hiện có 01 xe máy Honda AirBlade BKS 34X4-6995 của ông Đinh Công M đang để ở trước cửa nhà trong khu vực sân, không có ai trông giữ. T liền dừng xe ở gần đó, T1 xuống xe dùng vạm phá khóa hình chữ “L” phá ổ khóa điện của xe, thấy đèn điện ở mặt đồng hồ xe sáng lên T1 dắt xe ra ngoài nổ máy điều khiển xe cùng T tẩu thoát về Phúc Thọ. Sau đó, T nói với T1 tìm chỗ để cắm xe, T1 liền gọi điện cho Vương Công B để nhờ Bình đi cắm hộ. Thấy xe vẫn còn tốt, T1 lại không nói cho Bình về nguồn gốc chiếc xe là do phạm pháp mà có nên Bình giữ xe lại để đi đồng thời trả cho T1 10.000.000 đồng là tiền cắm xe. *Tại Bản kết luận định giá tài sản trong TTHS huyện Ba Vì số 87/2018 ngày 05/12/2018 kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda AirBalade màu đen bạc, số máy 0134967, số khung 132044, BKS 30X4-6995 đã qua sử dụng trị giá: 22.000.000 đồng;*

Vụ thứ hai (Tại xã Phong Vân): Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 27.10.2018, T điều khiển xe máy nhãn hiệu Dream (không rõ BKS, chiếc xe này T1 mượn của Nam, không rõ tên tuổi, chỉ biết ở thị xã Sơn Tây) chở sau là Nguyễn Đình T1 cùng nhau đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến đường làng xã Phong Vân- huyện Ba Vì, thấy có 01 chiếc xe Honda AirBlade BKS 29V1-10471 màu vàng đồng của anh Nguyễn Quốc Đ đang dựng ở ngoài đường trước cửa nhà bố vợ anh Đ là ông Nguyễn Viết Năng có nhiều sơ hở. T dừng xe gần đó, T1 xuống xe dùng vạm phá khóa hình chữ “L” phá ổ khóa điện của chiếc xe rồi nổ máy cùng T tẩu thoát theo QL32 về huyện Phúc Thọ. Sau đó T1 trả xe Dream cho Nam. Đối với chiếc xe vừa trộm được do vẫn còn mới nên T, T1 thống nhất không bán

mà để lại làm phương tiện đi lại (ngày 29, 30, 31/10/2018, T, T1 sử dụng chiếc xe trên để đi trộm cắp tài sản). Đến ngày 31.10.2018, T đã đổi chiếc xe trên cho D để lấy 01 xe máy Honda Vison màu trắng BKS 29V1-26254 (chiếc xe Vison này là do T, T1, Linh cùng nhau trộm được tối ngày 30.10.2018 tại thị xã Sơn Tây rồi bán cho D với giá 6.000.000 đồng, (chiếc xe Vision của anh Trương Công Định- SN 1969, ở xã Đường Lâm- thị xã Sơn Tây). Sau khi đổi xe, T đem xe xuống chợ xe máy ở Dịch Vọng- Cầu Giấy bán cho một người không quen biết với giá 6.000.000 đồng. Còn D sau khi đổi được xe AirBlade từ T, D tháo rời các bộ phận của xe rồi bán cho một người ở khu vực Cầu Giấy được 5.000.000 đồng, phần vỏ xe do chưa bán được nên D lắp vào 01 xe Honda AirBlade BKS 29U1-06332 (do D mua lại của một người không rõ tên tuổi, địa chỉ). Ngày 02.11.2018, D đã giao nộp chiếc xe Honda AiBlade BKS 29U1-06332 cho CQĐT huyện Thanh Thủy- Phú Thọ, sau đó Công an huyện Thanh Thủy đã bàn giao lại cho Công an huyện Ba Vì để phục vụ giải quyết án. Sau khi bán xe được 6.000.000 đồng, T không chia cho ai. Đến ngày 03.11.2018, khi bị Công an huyện Thanh Thủy bắt T còn lại 2.000.000 đồng, số tiền này Công an huyện Thanh Thủy đã thu giữ. *Tại Bản kết luận định giá tài sản trong TTHS huyện Ba Vì số 88/2018 ngày 05/12/2018 kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda AirBalade màu vàng bạc, số máy 1359368, số khung 669740, BKS 29V1-10471 đã qua sử dụng trị giá: 19.500.000 đồng.*

Vụ thứ ba (Tại vườn chè- Ba Trại): Khoảng 07h sáng ngày 29.10.2018, T điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade màu vàng đồng trộm được ngày 27.10.2018 của anh Đô chở sau là Nguyễn Đình T1 cùng nhau đi trộm cắp tài sản. Khi đi qua trường Mầm non Ba trại B- xã Ba Trại – huyện Ba Vì thì T, T1 thấy ở vườn chè ở gần đường đi (cách đường đi chuyển 40-50m) có một chiếc xe máy Dream BKS 33P4-5510 của chị Đoàn Thị H dựng mà không có người trông giữ. Thấy thế T dựng xe ở đường, T1 đi vào dùng vạm phá khóa hình chữ “L” phá ổ khóa điện của chiếc xe. Sau đó T điều khiển xe đi mua thuốc lá ở gần đó. T1 phá ổ khóa điện xong liền nổ máy điều khiển xe đi ra ngoài đường, không thấy T đâu nên T1 điều khiển xe về luôn nhà D, đồng thời gọi điện cho T là đã lấy được xe. Sau đó, T, T1 cùng về Phúc Thọ bán chiếc xe vừa trộm được cho D với giá 4.000.000 đồng. Mua được xe, D tháo rời các các bộ phận của xe rồi bán cho một người ở khu vực chợ xe Dịch Vọng Cầu Giấy được 4.500.000 đồng. Số tiền này D đã tiêu xài hết. *Tại Bản kết luận định giá tài sản trong TTHS huyện Ba Vì số 92/2018 ngày 06/12/2018 kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, số máy 0938908, số khung*

088828, BKS 33P4-5510, xe liên doanh đã qua sử dụng của chị Hằng trị giá: 12.000.000 đồng.

Vụ thứ tư (Tại trước cửa Phòng khám Quảng Tây- TT Tây Đằng): Khoảng 05h ngày 31.10.2018, T điều khiển xe máy Honda AirBlade màu vàng đồng (trộm được của Đô ngày 27.10.2018) chở sau là T1, Linh đi từ Phúc Thọ lên huyện Ba Vì với mục đích tìm kiếm xe nào sở hữu để cùng nhau trộm cắp. Khi đi đến trước cửa khu vực Phòng khám đa khoa Quảng Tây – thuộc địa phận TT Tây Đằng- huyện Ba Vì thì thấy có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave BKS 29V1-31056 của chị Phùng Thị O dựng ở phía sau 01 chiếc xe tải chở hoa quả có nhiều sơ hở. T dừng xe ở gần chiếc xe máy, T1 xuống xe thì thấy ổ khóa xe máy vẫn cắm chìa khóa, T1 nổ xe cùng T, Linh tẩu thoát về Sơn Tây. Sau đó Linh mang xe máy vừa trộm được gửi tại bệnh viện đa khoa Sơn Tây rồi tiếp tục cùng T1, T đi trộm cắp. Đến trưa cùng ngày, Linh quay lại bệnh viện lấy xe đem về bán cho D với giá 3.500.000 đồng. Mua được xe, D tháo rời các bộ phận của xe rồi bán cho một người ở khu vực chợ xe Dịch Vọng Cầu Giấy được 4.000.000 đồng. *Tại Bản kết luận định giá tài sản trong TTHS huyện Ba Vì số 86/2018 ngày 05/12/2018 kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, số máy JA31E0210527, số khung 311EY112367, BKS 29V1-31056 đã qua sử dụng của chị Oanh trị giá: 14.500.000 đồng;*

Vụ thứ năm (Tại trường mầm non Ba Trại B): khoảng 7 giờ 00 phút ngày 31/10/2018, T điều khiển xe máy Honda Airblade màu vàng đồng (do trộm được ngày 27.10.2018 của anh Đô) chở sau là T1, Linh đi dọc trên các tuyến đường trên địa phận huyện Ba Vì tìm xe sơ hở để trộm cắp, khi đi đến trường Mầm non Ba Trại B thuộc thôn 7 xã Ba Trại- huyện Ba Vì, thấy khu vực để xe có nhiều xe máy, cổng trường không đóng lại không có bảo vệ trông giữ nên T, T1, Linh rủ nhau vào trường để trộm. Sau đó, T dừng xe ở cạnh tường bao trường học, sát nhà dân, T1, Linh treo qua trường vào khu vực để xe. Lúc này, T1 sử dụng 01 vạm phá khóa đã mang theo từ trước hình chữ “L” phá ổ khóa 03 xe máy, 01 xe máy Dream BKS 26K3-9909 của chị Nguyễn Thị N, 01 xe máy Wave- BKS 29V1-25750 của chị Phùng Thị Cẩm T2 và 01 xe máy Wave S- BKS 29V1-21437 của chị Đặng Thị A. Phá khóa xong, không thấy đèn điện của xe máy sáng, lại có chị Hoàng Thị X là giáo viên trong trường đi đến nên T1 dắt chiếc xe máy BKS 29V1-21437 đi hướng ra cổng trường, Linh đi bộ phía sau. Do thấy 02 người lạ vào lấy xe có nhiều biểu hiện nghi vấn, chị Xuyên gọi hỏi các giáo viên trong trường. Chị Đặng Thị A đang trong lớp học nghe thấy vậy liền ra xem thì thấy xe của mình đang bị dắt ra cổng trường,

chị A hô trộm rồi cùng các cô giáo đuổi theo. T1, Linh thấy thế liền để xe lại dọc đường rồi lên xe T đang đợi sẵn tẩu thoát. Sau đó, chị A, N, T2 đã mang xe đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Nguyễn Trung K để thay ổ khóa điện đồng thời trình báo với CQĐT về sự việc trên. Đối với ổ khóa điện hỏng đã thay thế, anh K đã vứt bỏ hiện không thu giữ được. *Tại Bản kết luận định giá tài sản trong TTHS huyện Ba Vì số 84/2018 ngày 05/12/2018 kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng nâu xám, số máy 1096606, số khung 059502, BKS 29V1-25750 đã qua sử dụng của chị Thơ trị giá: 14.000.000 đồng; Tại Bản kết luận định giá tài sản trong TTHS huyện Ba Vì số 85/2018 ngày 05/12/2018 kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, số máy 1152284, số khung 045354, BKS 29V1-21437 đã qua sử dụng của chị Anh trị giá: 14.000.000 đồng; Tại Bản kết luận định giá tài sản trong TTHS huyện Ba Vì số 93/2018 ngày 06/12/2018 kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, BKS 26K3-9909, xe liên doanh đã qua sử dụng của chị Nhài trị giá: 7.000.000 đồng;*

Quá trình làm việc, T1, T, L đã T1 khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên. Ngoài ra, các đối tượng còn khai nhận nhiều vụ trộm cắp xe máy nữa tại huyện Thanh Thủy- Phú Thọ và thị xã Sơn Tây- TP Hà Nội, hiện các vụ việc trên đang được các CQĐT tiến hành điều tra làm rõ theo quy định.

Đối với Vương Công B: khi nhận cầm chiếc xe Honda AirBlade BKS 30X4-6995 từ T1, Bình chỉ nghe T1 nói chiếc xe là của bạn T1, do đang cần tiền mà nhờ đi cầm hộ (BL 279), Bình không biết nguồn gốc chiếc xe do T1 cùng đồng bọn phạm pháp mà có. Ngày 12/11/2018, sau khi biết chiếc xe trên do T1 phạm pháp mà có nên anh Bình đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho CQĐT để tiến hành giải quyết theo quy định. Do hành vi của Bình không đủ yếu tố cấu T1 tội phạm nên CQĐT không đề cập xử lý trong vụ án này.

Đối với người đàn ông tên N (là bạn của T1): Ngày 27.10.2018, T1 mượn xe máy Dream của N để đi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, T1 không biết đầy đủ họ tên, địa chỉ cụ thể của N, chỉ biết N ở Sơn Tây. Do đó không đủ căn cứ để xác minh con người cụ thể nên CQĐT không có căn cứ làm rõ trong vụ án này.

Đối với những người mua linh kiện, phụ tùng xe máy của D: D đều không biết tên, tuổi, địa chỉ những người này nên CQĐT không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Vật chứng của vụ án: - 01 xe máy Honda AirBlade BKS 30X4-6995, màu đen bạc, SK 132044, SM 0134967 do Vương Công B tự nguyện giao nộp ngày 12.11.2018

cho Công an huyện Phúc Thọ. Ngày 14.11.2018, Công an huyện Phúc Thọ chuyển giao cho Công an huyện Ba Vì. - 01 xe máy Yamaha Exciter màu đỏ, đen vàng, BKS 29V3-01559, SK 002729, SM 002732, không gương chiếu hậu; 01 đăng ký xe máy BKS 29V3-01559, 01 đôi gương chiếu hậu của xe Exciter BKS 29V3-01559: do Công an huyện Thanh Thủy- Phú Thọ thu giữ. Ngày 27.01.2019 Công an huyện Thanh Thủy chuyển giao cho Công an huyện Ba Vì để xử lý theo quy định. Ngày 26.10.2018, T sử dụng chiếc xe trên để đi trộm cắp tài sản. Qua xác minh chiếc xe mang tên anh Lê Minh Đ, tháng 9/2018 anh Đ đã bán xe cho bà Lê Thị K (SN 1968- ở xã Sen Chiểu- huyện Phúc Thọ, là mẹ của T) với giá 20.000.000 đồng. Ngày 26.10.2018, T lấy xe đi để trộm cắp tài sản thì bà K không biết. - 01 xe máy Honda AirBlade màu vàng đồng, không gắn BKS, không có gương chiếu hậu, SK: RLHJF2702BY321658, SM: JF27E-1308874; 01 đăng ký xe mô tô số 010202, BKS 29U1-06332 mang tên chủ xe anh Nguyễn Minh S (SN 1968- ở phố Chùa Thông- thị xã Sơn Tây); 01 BKS 29U1-06332: do Đoàn Văn D giao nộp cho Công an huyện Thanh Thủy- Phú Thọ vào ngày 01.11.2018 và ngày 28.12.2018. Theo D khai nhận thì vỏ chiếc xe máy Honda AirBlade nói trên là của chiếc xe Honda AirBlade BKS 29V1-10471. Qua xác minh đăng ký xe và BKS trên là của xe máy Hona AirBlade màu vàng đồng, có SK: RLHJF2702BY321658, SM: JF27E-1308874, xe đứng tên chủ sở hữu anh S. Năm 2014 do không còn nhu cầu sử dụng Sơn đã bán cho một người đàn ông không quen biết với giá 24.500.000 đồng. D khai chiếc xe trên mua được của một người đàn ông ở khu vực chợ Dịch Vọng- Cầu Giấy khoảng giữa tháng 10/2018 với giá 13.000.000 đồng, D mua với mục đích để sử dụng cho bản thân (BL 135). - 01 bộ vạm phá khóa xe máy hình chữ “L” có 01 tay công và 02 đầu mũi vạm, hiện Công an huyện Thanh Thủy- Phú Thọ đã thu giữ được 01 tay công, 01 mũi vạm. Còn 01 đầu vạm T1 đã làm rơi hiện không thu giữ được. Tay công T mua ở thị xã Sơn Tây, tuy nhiên T không nhớ địa chỉ đã mua. Về mũi vạm, T1 lấy ở nhà Đoàn Văn D.

- Đối với 01 chiếc xe máy Honda AirBlade BKS 30X4-6995: sau khi xác minh chiếc xe là của ông Đinh Công M, ngày 29.01.2019 CQĐT-CA huyện Ba Vì đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 27 đối với chiếc xe trên bằng hình thức trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp, cùng ngày ông Minh đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

- Đối với các vật chứng còn lại mà CQĐT- CA huyện Ba Vì đã thu giữ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì đã ra Quyết định chuyển vật chứng đến Kho vật chứng của cơ quan Thi hành án dân sự huyện Ba Vì để phục vụ quá trình giải quyết vụ án.

Về dân sự:

Anh Đinh Công M đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự. Anh Nguyễn Quốc Đ, chị Đoàn Thị H, chị Phùng Thị O đề nghị các bị cáo phải bồi thường số tiền tương đương giá trị tài sản bị trộm cắp. Chị Phùng Thị Cẩm T2, chị Đặng Thị A yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền tổn thất do sửa chữa thay thế ổ khóa điện mỗi người là 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị N yêu cầu bồi thường số tiền tổn thất do sửa chữa thay thế ổ khóa điện là 200.000 đồng. Anh Vương Công B không có yêu cầu đề nghị gì về mặt dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 33/CT-VKS ngày 16/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, T1 phố Hà Nội truy tố bị cáo các bị cáo Nguyễn Đình T1, Kiều Duy Tvề tội: **"Trộm cắp tài sản"** theo điểm a, c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Đoàn Văn D về tội: **"Trộm cắp tài sản"** theo điểm a, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Nguyễn Hoài L về tội: **"Trộm cắp tài sản"** theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T1, Kiều Duy T, Đoàn Văn D, Nguyễn Hoài L phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị áp dụng điểm a, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, 38, 47, 48 BLHS, xử phạt bị cáo Kiều Duy T từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù. Đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, 38, 47, 48, 91, 107 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T1 từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Đề nghị áp dụng điểm a, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, 38, 47, 48 BLHS, xử phạt bị cáo Đoàn Văn D từ 36 đến 42 tháng tù. Đề nghị áp dụng điểm khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, 38, 47, 48, 91, 107 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài L từ 24 đến 30 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo. Về vật chứng của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Trả lại cho bà K chiếc xe máy. Truy thu sung công quỹ nhà nước tiền thu lời bất chính của Kiều Duy Tvà Nguyễn Đình T1 mỗi bị cáo 10.150.000đ. Truy thu sung công quỹ nhà nước tiền thu lời bất chính của Nguyễn Hoài

Lsố tiền 1.200.000đ. Truy thu sung công quỹ nhà nước tiền thu lời bất chính của Đoàn Văn D số tiền 1.000.000đ. Về dân sự: Buộc các bị cáo D, T, T1, Linh phải bồi thường giá trị xe máy cho các bị hại. Bảo lưu chiếc xe máy BKS 29V1 – 10471 của Đoàn Văn D để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa:

Căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, lời khai nhận tội của các bị cáo, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Vì, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Kiều Duy T, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Hoài Lđều T1 khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đối với bị cáo Đoàn Văn D có đơn xin vắng mặt vì lý do hiện đang mắc bệnh hiểm nghèo, trong quá trình điều tra tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản đối chất, biên bản phúc cung của VKD nhân dân huyện Ba Vì, bị cáo D đều T1 khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại CQĐT, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có HĐXX có đủ cơ sở để xác định: Khoảng tháng 7/2018, do cần tiền tiêu xài cá nhân, Kiều Duy Tnhờ Đoàn Văn D giới thiệu cho T một người để cùng T đi trộm cắp tài sản. Thấy Nguyễn Đình T1vừa đi chấp hành án phạt tù ra trại về, D liền giới thiệu T1 cho T. Sau đó D, T, T1 thống nhất T, T1 sẽ đi trộm cắp xe, T làm nhiệm vụ điều khiển xe tìm xe sở hữu, canh giới, T1 bẻ khóa, lấy trộm xe, D là người tiêu thụ. Đến ngày 30.10.2018, T1 còn rủ thêm Nguyễn Hoài Lvới T để cùng nhau đi trộm cắp tài sản. Trong khoảng thời gian từ ngày 26/10/2018 đến ngày 31/10/2018, các bị cáo đã thực hiện 05 vụ

trộm cắp xe máy trên địa bàn huyện Ba Vì. Các bị cáo T, T1, Linh đã trực tiếp lấy trộm được 04 chiếc xe máy mang về bán cho D để D bán lấy tiền cùng tiêu sài và thực hiện bẻ, phá khóa điện đối với 03 chiếc xe máy khác khi đang dịch chuyển các chiếc xe máy đã bị phá khóa điện thì bị phát hiện. Tài sản các bị cáo trộm cắp trong 05 vụ là 07 chiếc xe máy được HDDG tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Vì định giá tổng giá trị: 103.000.000đ (*Một trăm linh ba triệu đồng*). Như vậy HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của các bị cáo D, T, T1, Linh lén lút, lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản, các bị cáo đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản từ ngày 26/10/2018 đến ngày 31/10/2018 đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản” tội danh và hình phạt được quy định theo khoản 1, điểm a, c, g khoản 2 Điều 173 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Do vậy việc truy tố bị cáo Đoàn Văn D, Kiều Duy T, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Hoài L của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, để xét xử là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội và địa phương. Do vậy cần phải xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi các bị cáo đã thực hiện để giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

Trong vụ án này có đồng phạm, khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo D, T, T1 có bàn bạc thống nhất với nhau. Cụ thể D, T, T1 thống nhất T, T1 sẽ đi trộm cắp xe, T làm nhiệm vụ điều khiển xe tìm xe sở hữu, canh giới, T1 bẻ khóa, lấy trộm xe, D là người tiêu thụ. Đến ngày 30.10.2018, T1 còn rủ thêm Linh với T để cùng nhau đi trộm cắp tài sản, như vậy hành vi của các bị cáo D, T, T1 đã thỏa mãn tình tiết phạm tội có tổ chức, do vậy khi lượng hình HĐXX xem xét, đánh giá vai trò của từng bị cáo phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Đối với bị cáo Đoàn Văn D được xác định là người tổ chức, chủ mưu, D biết T và T1 là những đối tượng có nhiều tiền án tiền sự về tội trộm cắp, T và T1 vừa đi chấp hành án, vừa ra trại về địa phương. D là người trực tiếp giới thiệu T cho T1, sau đó D, T, T1 thống nhất T, T1 sẽ đi trộm cắp xe, T làm nhiệm vụ điều khiển xe tìm xe sở hữu, canh giới, T1 bẻ khóa, lấy trộm xe, D là người tiêu thụ. Sau khi T, T1 trộm cắp được xe máy mang về bán cho D, D trực tiếp tiêu thụ, mua của T, T1 03 chiếc xe máy có tổng giá trị 03 chiếc xe máy là: 46.000.000đ. Đối với bị cáo Kiều Duy T, Nguyễn Đình T1: các bị cáo T, T1 được xác định là người thực hành, trực tiếp thực hiện tội phạm. T, T1 đã trực

tiếp tham gia 05 vụ trộm cắp tài sản, lấy được 04 chiếc xe máy đã bán cho D 03 chiếc, bán cho anh Bình 01 chiếc lấy tiền tiêu sài, còn 03 chiếc khi các bị cáo đang dịch chuyển thì bị phát hiện có tổng giá trị 07 chiếc xe máy là: 103.000.000đ. Do vậy D, T, T1 giữ vai trò đầu vụ và phải chịu mức án cao nhất trong vụ án.

Đối với bị cáo Nguyễn Hoài Lcũng trực tiếp tham gia cùng thực hiện 02 vụ trộm với tổng giá trị tài sản của 04 chiếc xe máy là: 49.500.000đ, là người mang chiếc xe máy trộm cắp được cất giấu vào khu gửi xe bệnh viện Sơn Tây, sau đó mang bán cho D, Linh cùng T, T1 tham gia vụ trộm ở trường mầm non Ba Trại, cùng T1 vào phá khóa điện, khi T1 dắt chiếc xe máy ra ngoài, Linh đi theo sau thì bị phát hiện. Do vậy Linh giữ vai trò thứ hai và phải chịu mức án sau D, T, T1.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo D, T đều có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: *“Phạm tội 02 lần trở lên”* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Bị cáo T1 có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: *“Phạm tội 02 lần trở lên”* và *“Tái phạm”* theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo D, T, T1, Linh đều T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 16/4/2019 TAND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, xác định trong thời gian học tập trong môi trường quân đội, Linh đã có T1 tích xuất sắc dduwwocj Bộ văn hóa thể dục thể thao tặng huy chương vàng giải WUSHU toàn quốc năm 2013, do vậy HĐXX xem xét cho bị cáo Linh hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xét về nhân thân: Đối với bị cáo Đoàn Văn D có nhân thân xấu: 04 tiền án.

- Tại Bản án số 127/2015/HSST ngày 30.11.2015 của TAND thị xã Sơn Tây- Hà Nội xử phạt D 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 250 BLHS năm 1999. D đã hoàn T1 việc nộp án phí ngày 17.3.2016.

- Tại Bản án số 41/2017/HSST ngày 07.8.2017 của TAND huyện Phúc Thọ- Hà Nội xử phạt D 24 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 250 BLHS năm 1999. D đã chấp hành xong việc nộp án phí, chưa chấp hành án

phạt tù. Tại Bản án số 49/2017/HSST ngày 22.8.2017 của TAND huyện Phúc Thọ- Hà Nội xử phạt D 09 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 250 BLHS năm 1999, tổng hợp hình phạt với bản án trước là 33 tháng tù. D đã chấp hành xong việc nộp án phí ngày 15.01.2018, chưa chấp hành án phạt tù.

- Tại Bản án số 34/2018/HSST ngày 30.5.2018 của TAND huyện Phúc Thọ- Hà Nội xử phạt D 30 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 250 BLHS năm 1999, tổng hợp hình phạt với bản án trước là 63 tháng tù. Buộc D nộp 1.000.000 đồng là số tiền có được do thu lời bất chính, miễn án phí HSST cho D. D chưa chấp hành xong.

- Ngày 17.02.2016, bị UBND xã Võng Xuyên- huyện Phúc Thọ xử phạt VPHC về hành vi Không thực hiện nghĩa vụ của người chấp hành án cải tạo không giam giữ, hình thức phạt Cảnh cáo.

- Tại Bản án số 71/2018/HSST ngày 21.11.2018 của TAND huyện Quốc Oai- Hà Nội xử phạt D 42 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 BLHS năm 2015. Buộc D nộp 500.000 đồng là số tiền có được do thu lời bất chính. Án phí 200.000 đồng.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 16/4/2019 TAND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt Đoàn Văn D : 04 (Bốn) năm tù. tổng hợp với 05 năm 03 tháng tù của bản án số 34/2018/HSST ngày 30/5/2018 của TAND huyện Phúc Thọ, T1 phố Hà Nội. Buộc bị cáo Đoàn Văn D phải chấp hành chung cho 02 bản án là 09 (Chín) năm 03 (Ba) tháng tù. thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

* Đối với bị cáo Kiều Duy Tcó nhân thân xấu:

- Tại Bản án số 39/2011/HSST ngày 16/8/2011 của TAND huyện Thanh Thủy- Phú Thọ xử phạt T 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 138 BLHS năm 1999, với giá trị tài sản trộm cắp là 10.800.000 đồng. T chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 11.5.2012, hoàn T1 nghĩa vụ án phí ngày 08.6.2012.

- Ngày 19.01.2011 bị Công an xã Sen Chiểu huyện Phúc Thọ xử phạt VPHC về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, hình thức Cảnh cáo.

- Ngày 19.01.2014, bị Công an xã Sen Chiểu huyện Phúc Thọ xử phạt VPHC về hành vi Trộm cắp tài sản, hình thức Cảnh cáo.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 16/4/2019 TAND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt bị cáo Kiều Duy T: 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/11/2018.

* Đối với bị cáo Nguyễn Đình T1 có nhân thân xấu:

- Tại Bản án số 53/2015/HSPT ngày 26/01/2015 của TAND T1 phố Hà Nội xử phạt T1 24 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích quy định tại Điều 104 BLHS năm 1999. Án phí HSST là 200.000 đồng, án phí DSST là 500.000 đồng, buộc bồi thường cho bị hại là 10.000.000 đồng. T1 chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 02.7.2016, chưa hoàn T1 nghĩa vụ về án phí và tiền bồi thường.

- Tại Bản án số 49/2017/HSST ngày 22.8.2017 của TAND huyện Phúc Thọ- Hà Nội xử phạt T1 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 138 BLHS năm 1999. T1 chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 04.5.2018, hoàn T1 nghĩa vụ về án phí ngày 17.10.2017.

- Ngày 15.0.2014, bị Công an xã Long Xuyên- huyện Phúc Thọ xử phạt VPHC về hành vi Gây rối trật tự công cộng, hình thức Cảnh cáo.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 16/4/2019 TAND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T1: 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/12/2018.

* Đối với bị cáo Nguyễn Đình T1 có nhân thân xấu:

- Tại Bản án số 69/2015/HSST ngày 29.12.2015 của TAND huyện Phúc Thọ- Hà Nội xử phạt Linh 36 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích quy định tại Điều 104 BLHS năm 1999, thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2015. Linh được đặc xá, tha tù trước thời hạn 21 tháng 04 ngày, ra trại ngày 01.12.2016, hoàn T1 nghĩa vụ về án phí tháng 08/2016.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 16/4/2019 TAND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài L: 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Qua phân tích và nhận định trên HĐXX xét thấy: Các bị cáo D, T, T1, Linh đều có nhân thân xấu, bị cáo D có nhiều tiền án chưa được xóa án tích và đang được hoàn thi hành án lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này được xác định là “ *Tái phạm nguy hiểm*”. Đối với bị cáo T đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, lần phạm

tội này được xác định là “ *Tái phạm nguy hiểm* ”. Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện đối với bị cáo D chưa chấp hành Bản án số 71/2018/HSST ngày 21.11.2018 của TAND huyện Quốc Oai- Hà Nội xử phạt D 42 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội, bản án đã có hiệu lực pháp luật chưa được tổng hợp, do vậy HĐXX áp dụng Điều 55, khoản 2, Điều 56 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017 để tổng hợp bản án đã có hiệu lực theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 33/CT-VKS ngày 16/4/2019 VKSND huyện Ba Vì, T1 phổ Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Đình T1 với tình tiết định khung theo điểm g “ *Tái phạm nguy hiểm* ” là chưa chính xác, ảnh hưởng quyền lợi của bị cáo. HĐXX nhận thấy: Đối với bị cáo T1 có 02 tiền án, nhưng tại bản án số 53/2015/HSPT ngày 26/01/2015 TAND T1 phổ Hà Nội xử phạt T1 24 tháng tù về tội cố ý gây thương tích, khi T1 thực hiện hành vi phạm tội là người chưa T1 niên, đã chấp hành xong được coi là không có án tích. Tại bản án số 49/2017/HSST ngày 22/8/2017 TAND huyện Phúc Thọ xử phạt T1 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này được xác định là “ *Tái phạm* ” là đúng quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Linh có 01 tiền án, tại bản án hình sự sơ thẩm số 69/2015/HSST ngày 29.12.2015 TAND huyện Phúc Thọ- Hà Nội xử phạt Linh 36 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, khi Linh thực hiện hành vi phạm tội là người chưa T1 niên, đã chấp hành xong được coi là không có án tích. HĐXX xét thấy các bị cáo D, T, T1, Linh đều đã có tiền án, tiền sự, bị Tòa án nhiều cấp đưa ra xét xử, nhưng các bị cáo D, T, T1, Linh không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh cho mình, lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, do vậy cần thiết phải áp dụng Điều 38 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017 cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở T1 công dân tốt, có ích cho xã hội, tuy nhiên khi lượng hình HĐXX cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Tại khoản 5 Điều 173 BLHS quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ, nhưng xét điều kiện và hoàn cảnh kinh tế gia đình của các bị cáo đều khó khăn, các bị cáo không có công ăn việc làm, đều sống phụ thuộc gia đình, do vậy HĐXX xem xét miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

Đối với chiếc xe máy Honda Vison màu trắng BKS 29V1-26254 (chiếc xe Vison này là do T, T1, Linh cùng nhau trộm được tối ngày 30.10.2018 tại thị xã Sơn Tây rồi bán cho D với giá 6.000.000 đồng, chiếc xe Vision của anh Trương Công Đ- SN 1969, ở

xã Đường Lâm- thị xã Sơn Tây. Cơ quan điều tra công an thị xã Sơn Tây đang điều tra làm rõ, do vậy không đề cập xử lý trong vụ án này.

Đối với Vương Công B: khi nhận cầm chiếc xe Honda AirBlade BKS 30X4-6995 từ T1, Bình chỉ nghe T1 nói chiếc xe là của bạn T1, do đang cần tiền mà nhờ đi cầm hộ, Bình không biết nguồn gốc chiếc xe do T1 cùng đồng bọn phạm pháp mà có. Ngày 12/11/2018, sau khi biết chiếc xe trên do T1 phạm pháp mà có nên anh Bình đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho CQĐT để tiến hành giải quyết theo quy định. Do hành vi của Bình không đủ yếu tố cấu T1 tội phạm nên CQĐT không đề cập xử lý trong vụ án này.

Đối với người đàn ông tên Nam (là bạn của T1): Ngày 27.10.2018, T1 mượn xe máy Dream của Nam để đi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, T1 không biết đầy đủ họ tên, địa chỉ cụ thể của Nam, chỉ biết Nam ở Sơn Tây. Do đó không đủ căn cứ để xác minh con người cụ thể nên CQĐT không có căn cứ làm rõ trong vụ án này.

Đối với những người mua linh kiện, phụ tùng xe máy của D: D đều không biết tên, tuổi, địa chỉ những người này nên CQĐT không có căn cứ để xác minh làm rõ trong vụ án này.

Về dân sự:

- Đối với 01 chiếc xe máy Honda AirBlade BKS 30X4-6995, màu đen bạc, Số khung 132044, Số máy 0134967 thuộc sở hữu hợp pháp của anh Đinh Công M, cơ quan điều tra công an huyện Ba Vì đã thu hồi và trả lại cho anh Đinh Công M, anh Đinh Công M đã nhận lại chiếc xe máy và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì về dân sự.

- Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Quốc Đ, yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chiếc xe máy AirBlade, BKS 29V1 - 104.71 trị giá 19.500.000đ (*Mười chín triệu, năm trăm nghìn đồng*). Chị Phùng Thị O, yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chiếc xe máy Weve, BKS 29V1 - 310.56 trị giá 14.500.000đ (*Mười bốn triệu, năm trăm nghìn đồng*). Chị Đoàn Thị H, yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chiếc xe máy Dream, BKS 33P4 - 5510 trị giá 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*). HĐXX xét thấy đối với 03 chiếc xe máy của anh Đô, chị Oanh, chị Hằng khi các bị cáo trộm cắp được đã bán lấy tiền tiêu sài. Cơ quan điều tra công an huyện Ba Vì không thu hồi được, do vậy cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường giá trị 03 chiếc xe máy cho anh Đô, chị Oanh, chị Hằng là có căn cứ đúng pháp luật.

- Đối với yêu cầu của chị Đặng Thị A, chị Phùng Thị Cẩm T2, yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền tổn thất về tài sản khi sửa chữa thay ổ khóa điện số tiền 300.000đ, chị Nguyễn Thị N yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền tổn thất về tài sản khi sửa chữa thay ổ khóa điện số tiền 200.000đ. HĐXX xét thấy ngày 09/5/2019 chị Đặng Thị A, chị Phùng Thị Cẩm T2, chị Nguyễn Thị N đều có văn bản xác định giá trị tài sản nhỏ đều không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

Về vật chứng của vụ án : Áp dụng điều 41 BLHS, điều 76 BLTTHS xử lý vật chứng như sau :

- Đối với 01 chiếc xe máy Honda AirBlade BKS 30X4-6995, màu đen bạc, Số khung 132044, Số máy 0134967 thuộc sở hữu hợp pháp của anh Đinh Công M, cơ quan điều tra công an huyện Ba Vì đã thu hồi và trả lại cho anh Đinh Công M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đỏ, đen vàng, Biển kiểm soát 29V3 – 01559, Số khung: 002729, Số máy: 002732. Xe không có chìa khóa điện, xe đã qua sử dụng, không hoạt động được, không kiểm tra chất lượng tình trạng bên trong. 01 Đôi gương chiếu hậu đã cũ của xe Yamaha Exciter BKS 29V3 – 01559. 01 Đăng ký mô tô xe máy số hiệu 013486 mang tên Lê Minh Đức do Công an huyện Phúc Thọ cấp ngày 05/7/2011. Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ về nguồn gốc chiếc xe máy này là của anh Lê Minh Đ đã bán hợp pháp cho bà Lê Thị K là mẹ đẻ bị cáo T, khi bị cáo T sử dụng chiếc xe máy này để thực hiện hành vi phạm tội, bà Kim không biết, xét hoàn cảnh gia đình bà Kim rất khó khăn, HĐXX xem xét trả lại cho bà Kim chiếc xe máy này cùng giấy tờ đăng ký xe máy là hoàn toàn có căn cứ đúng pháp luật.

- Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade, màu vàng đồng, không gắn BKS, không có gương chiếu hậu, Số khung: RLHJF 2702BY321658. Số máy: JF27E-1308874, xe đã qua sử dụng, không hoạt động được, không kiểm tra chất lượng bên trong. 01 Biển kiểm soát mang số 29U1-06332, làm bằng kim loại, đã cũ. 01 Đăng ký xe mô tô số 010202, BKS: 29 U1-06332 mang tên Nguyễn Minh S, do công an thị xã Sơn Tây cấp ngày 26/03/2013. Quá trình xác minh anh Sơn xác định năm 2014 đã bán cho người đàn ông không quen biết với giá 24.000.000đ. Bị cáo D mua chiếc xe máy này của người đàn ông tại khu chợ Dịch Vọng, Cầu Giấy với giá 13.000.000đ, do vậy chiếc xe máy này là

tài sản của D. HĐXX xét thấy cần tiếp tục bảo thủ chiếc xe máy của D để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền các bị cáo T, T1, Linh bán xe máy trộm cắp mà có trên địa bàn huyện Ba Vì tổng số tiền là 23.500.000đ (Hai mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng) Trong số tiền này T đã chia cho T1: 11.167.000đ (Mười một triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), chia cho Linh: 1.167.000đ (Bốn triệu đồng), số tiền còn lại 11.166.000đ (Mười một triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) T sử dụng, toàn bộ số tiền này các bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết, khi T bị cơ quan công an huyện Thanh Thủy bắt, sử dụng hết số tiền 9.166.000đ (Chín triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) còn số tiền 2.000.000đ cơ quan điều tra công an huyện thu giữ. HĐXX xét thấy số tiền các bị cáo chia nhau tiêu sài có được do phạm tội mà có, là tiền thu lời bất chính cần thiết phải truy thu sung quỹ nhà nước. Đối với số tiền 2.000.000đ T bị cơ quan điều tra công an huyện Thanh Thủy thu giữ đã được xử lý tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 16/4/2019 của TAND huyện Thanh Thủy, Phú Thọ.

- Đối với số tiền bị cáo D bán xe máy do các bị cáo T, T1, Linh trộm cắp được trên địa bàn Ba Vì, bị cáo D đã bán thu lời bất chính tổng số tiền 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). HĐXX xét thấy số tiền bị cáo D thu lời bất chính từ việc bán xe máy trộm cắp được cần thiết phải truy thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 bộ vạm phá khóa xe máy hình chữ “L” có 01 tay công và 02 đầu mũi vạm đã được xử lý vật chứng tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2019/HSST ngày 16/4/2019 của TAND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

□n phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1/ Xử : Tuyên bố các bị cáo **Đoàn Văn D (Bệu), Kiều Duy T, Nguyễn Đình T1(Nguyễn Khả T1), Nguyễn Hoài L** phạm tội “**Trộm cắp tài sản** ”.

2/ Áp dụng: điểm a, c, g khoản 2, Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1, Điều 52 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt : Bị cáo **Kiều Duy T: 04** (Bốn) năm **06** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt thi hành án.

3/ Áp dụng: điểm a, c khoản 2, Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm g, h khoản 1, Điều 52 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt : Bị cáo **Nguyễn Đình T1**(tên gọi khác : **Nguyễn Khả T1**) : **04** (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt thi hành án.

4/ Áp dụng: điểm a, g khoản 2, Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1, Điều 52; Điều 55, khoản 2, Điều 56 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt : Bị cáo **Đoàn Văn D (Bệu) : 42** (Bốn mươi hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt **42** tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 71/2018/HSST ngày 21/11/2018 của TAND huyện Quốc Oai, T1 phố Hà Nội. Buộc bị cáo Đoàn Văn D phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **84** (*Tám mươi tư*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt thi hành án.

5/ Áp dụng: Khoản 1, Điều 173; điểm s, v khoản 1, Điều 51; Điểm g khoản 1, Điều 52 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt : Bị cáo **Nguyễn Hoài Linh: 30** (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt thi hành án.

6/ Về dân sự:

- Buộc các bị cáo Kiều Duy T, Nguyễn Đình T1(Nguyễn Khả T1) phải có trách nhiệm liên đới bồi thường anh Nguyễn Quốc Đ chiếc xe máy AirBlade, BKS 29V1 – 104.71 trị giá 19.500.000đ (*Mười chín triệu, năm trăm nghìn đồng*). Cụ thể bị cáo Kiều Duy T phải bồi thường cho anh Nguyễn Quốc Đ số tiền 9.750.000đ (*Chín triệu, bảy trăm, lăm mươi nghìn đồng*). Bị cáo Nguyễn Đình T1(Nguyễn Khả T1) phải bồi thường cho anh Nguyễn Quốc Đ số tiền 9.750.000đ (*Chín triệu, bảy trăm, lăm mươi nghìn đồng*).

- Buộc các bị cáo Kiều Duy T, Nguyễn Đình T1(Nguyễn Khả T1), Đoàn Văn D phải có trách nhiệm liên đới bồi thường chị Đoàn Thị H chiếc xe máy Dream, BKS 33P4 – 5510 trị giá 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*). Cụ thể bị cáo Kiều Duy T phải bồi thường cho chị Đoàn Thị H số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*). Bị cáo Nguyễn Đình T1(Nguyễn Khả T1) phải bồi thường cho chị Đoàn Thị H số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*). Bị cáo Đoàn Văn D phải bồi thường cho chị Đoàn Thị H số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*).

- Buộc các bị cáo Kiều Duy T, Nguyễn Đình T1(Nguyễn Khả T1), Nguyễn Hoài L, Đoàn Văn D phải có trách nhiệm liên đới bồi thường chị Phùng Thị O chiếc xe máy

Weve, BKS 29V1 – 310.56 trị giá 14.500.000đ (Mười bốn triệu, năm trăm nghìn đồng). Cụ thể bị cáo Kiều Duy Tphải bồi thường cho chị Phùng Thị O số tiền 3.625.000đ (Ba triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Đình T1(Nguyễn Khả T1) phải bồi thường cho chị Phùng Thị O số tiền 3.625.000đ (Ba triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Bị cáo Đoàn Văn D phải bồi thường cho chị Phùng Thị O số tiền 3.625.000đ (Ba triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Hoài L phải bồi thường cho chị Phùng Thị O số tiền 3.625.000đ (Ba triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

7/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Truy thu của bị cáo Đoàn Văn D (Bệu) số tiền: 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà Nước.

- Truy thu của bị cáo Kiều Duy Tsố tiền: 9.166.000đ (Chín triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà Nước.

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Đình T1(Nguyễn Khả T1) số tiền: 11.167.000đ (Mười một triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà Nước.

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Hoài L số tiền: 1.666.000đ (Một triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà Nước.

- Trả lại cho bà Lê Thị K 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đỏ, đen vàng, Biển kiểm soát 29V3 – 01559, Số khung: 002729, Số máy: 002732. Xe không có chìa khóa điện, xe đã qua sử dụng, không hoạt động được, không kiểm tra chất lượng tình trạng bên trong. 01 Đôi gương chiếu hậu đã cũ của xe Yamaha Exciter BKS 29V3 – 01559. 01 Đăng ký mô tô xe máy số hiệu 013486 mang tên Lê Minh Đức do Công an huyện Phúc Thọ cấp ngày 05/7/2011. (Như biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 24/4/2019 giữa Công an huyện Ba Vì với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì).

- Tiếp tục bảo thủ 01 xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade, màu vàng đồng, không gắn BKS, không có gương chiếu hậu, Số khung: RLHJF 2702BY321658. Số máy: JF27E-1308874, xe đã qua sử dụng, không hoạt động được, không kiểm tra chất lượng bên trong. 01 Biên kiểm soát mang số 29U1-06332, làm bằng kim loại, đã cũ. 01 Đăng ký xe mô tô số 010202, BKS: 29 U1-06332 mang tên Nguyễn Minh Sơn, do công an thị xã Sơn Tây cấp ngày 26/03/2013 của bị cáo Đoàn Văn D để đảm bảo thi hành án. (*Như biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 24/4/2019 giữa Công an huyện Ba Vì với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì*).

8/ Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đoàn Văn D, Kiều Duy T, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Hoài Lmỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Đoàn Văn D, Kiều Duy T, Nguyễn Đình T1mỗi bị cáo phải nộp 706.000đ (*Bảy trăm linh sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Hoài Lmỗi bị cáo phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

9/ Về quyền kháng cáo : Áp dụng điều Điều 331 BLTTHS.

Các bị cáo Kiều Duy T, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Hoài Lcó quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Đoàn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Anh Đinh Công M, anh Nguyễn Quốc Đ, chị Đoàn Thị H, chị Phùng Thị O, chị Đặng Thị A, chị Nguyễn Thị N, chị Phùng Thị Cẩm T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị K có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Vương Công B, anh Đoàn Văn D, ông Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Văn T3 có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên Toà

Nơi nhân:

- TAND Tp. Hà Nội

- VKSND Ba vì

- Công an Ba vì.

- T.H.A Ba vì.

- Những ng- ời tham

gia tố tụng.

Nguyễn Phúc Thịnh